

*

Số 05-KH/BCĐTW

KẾ HOẠCH
hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số
trong hệ thống chính trị

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 220-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Quy định số 230-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐTW, ngày 28/02/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) ban hành Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hoá đầy đủ, kịp thời kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương; tập trung xử lý dứt điểm đối với các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị, tạo chuyển biến thực chất trong 100 ngày.

b) Tạo bước chuyển rõ rệt trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành và phục vụ của 4 khối cơ quan: Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận

Tổ quốc; bảo đảm hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp vận hành đồng bộ, thông suốt, an toàn, dựa trên dữ liệu.

c) Đổi mới phương thức quản trị theo sản phẩm đầu ra, mức độ sử dụng thực tế và giá trị mang lại; giảm thao tác thủ công, giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí cho cơ quan, cán bộ, người dân, doanh nghiệp.

d) Thiết lập kỷ luật, nguyên tắc thống nhất trong quản trị dữ liệu, hạ tầng, nền tảng số và bảo đảm an ninh mạng; khắc phục đầu tư phân tán, cát cứ dữ liệu, trùng lặp hệ thống và tình trạng nguồn lực đã bố trí nhưng triển khai, giải ngân chậm.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức thực hiện theo nguyên tắc: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả. Người đứng đầu cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng; cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về chất lượng và tiến độ thực hiện nhiệm vụ phối hợp theo phân công.

b) Nhiệm vụ chỉ được xác nhận hoàn thành khi có sản phẩm đáp ứng đầy đủ yêu cầu, tiêu chí được giao và có minh chứng kiểm chứng được. Đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng và dịch vụ số, sản phẩm phải vận hành được, có dữ liệu, có người sử dụng thực tế và bước đầu phát huy hiệu quả; không xác nhận hoàn thành đối với sản phẩm còn là dự thảo, chưa được ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc chưa đưa vào sử dụng, trừ trường hợp sản phẩm được giao là hồ sơ trình cấp có thẩm quyền.

c) Triển khai đồng bộ giữa 4 khối cơ quan và địa phương; ưu tiên dùng chung, tích hợp, chia sẻ, tái sử dụng; không đầu tư mới hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu trùng chức năng khi đã có nền tảng dùng chung đáp ứng yêu cầu.

d) Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu ngay từ khâu thiết kế; mọi hệ thống trọng yếu phải được xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ; hệ thống thông tin quan trọng phải được kiểm thử độc lập, phương án ứng cứu, sao lưu và khôi phục dữ liệu trước khi vận hành chính thức.

đ) Cập nhật, giám sát tiến độ hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương (tại địa chỉ theodoinq.dcs.vn), trong đó nêu rõ các nhiệm vụ chậm, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý.

II- PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

1. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Các điểm nghẽn thuộc 10 nhóm vấn đề về thể chế; hạ tầng số; dữ liệu số; nền tảng số; dịch vụ công trực tuyến; kinh tế số; xã hội số; nguồn nhân lực; tài chính và giải ngân; kỷ luật thực thi và tuân thủ.

b) Đối tượng thực hiện: Các cơ quan thuộc khối Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước; cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Thời gian: Thực hiện trong 100 ngày làm việc, từ ngày 10/7/2026 đến hết ngày 30/11/2026.

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Chi tiết nhiệm vụ tại Danh mục kèm theo.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng uỷ của 4 khối

Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan Trung ương, địa phương tập trung tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo xử lý dứt điểm trong vòng 100 ngày các điểm nghẽn và nhiệm vụ về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị. Hằng tháng báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn.

2. Các cơ quan Trung ương, địa phương

a) Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng, sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện; trực tiếp chỉ đạo, phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách, xác định đầu mối thường trực và cập nhật đầy đủ thông tin đầu mối, kế hoạch thực hiện trên Hệ thống theo dõi Nghị quyết.

b) Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, huy động và điều phối nguồn lực; thực hiện đồng thời, đúng quy định các thủ tục về chuẩn bị đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ, tạo lập dữ liệu, đào tạo, bảo đảm an ninh mạng và giải ngân kinh phí; không chờ có đủ mọi điều kiện mới bắt đầu triển khai.

c) Đối với nhiệm vụ liên ngành, cơ quan chủ trì có trách nhiệm chủ động phân công rõ trách nhiệm, sản phẩm, thời hạn thực hiện của từng cơ quan phối hợp; kịp thời trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và báo cáo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ chung.

d) Định kỳ hằng tuần tự kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện; đối với nhiệm vụ có nguy cơ chậm từ 5 ngày trở lên, phải kịp thời xây dựng, triển khai phương án khắc phục và báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp.

đ) Trường hợp đã áp dụng các biện pháp khắc phục nhưng vẫn không thể hoàn thành đúng hạn do nguyên nhân khách quan, cơ quan chủ trì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo trước ngày 30/10/2026 đối với các nhiệm vụ thật sự cần thiết, cấp bách.

3. Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

a) Thiết lập Bảng điều hành trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn; ban hành biểu mẫu báo cáo, tiêu chí xác nhận nhiệm vụ hoàn thành, quy tắc cập nhật minh chứng và cơ chế cảnh báo sớm.

b) Theo dõi thường xuyên tiến độ đối với nhiệm vụ quan trọng, nhiệm vụ có nguy cơ chậm; tổng hợp hằng tuần báo cáo đồng chí Phó Trưởng Ban Thường trực; hằng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo, đồng thời công khai danh sách nhiệm vụ chậm, cơ quan chậm.

c) Chủ trì điều phối liên khối; tổ chức họp chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

d) Sau khi kết thúc 100 ngày làm việc, tổng hợp, trình Ban Chỉ đạo báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Cơ chế kiểm tra, giám sát

a) Kiểm tra, đánh giá theo sản phẩm, dữ liệu vận hành và trải nghiệm người dùng; ưu tiên kiểm tra trực tiếp, đánh giá độc lập, khảo sát ngẫu nhiên.

b) Cơ quan chủ trì phải cung cấp đầy đủ: Văn bản, sản phẩm đã được ban hành, phê duyệt hoặc đưa vào sử dụng; số liệu người dùng; chỉ số hiệu năng và mức độ an toàn; số liệu về thời gian, chi phí, thành phần hồ sơ hoặc thao tác được cắt giảm; ý kiến phản hồi của cơ quan, người dân, doanh nghiệp.

5. Chế độ báo cáo

a) Các cơ quan, đơn vị cập nhật tiến độ, kết quả và minh chứng thực hiện nhiệm vụ hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống theodoing.dcs.vn hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu Ban Chỉ đạo Trung ương.

b) Báo cáo phải phản ánh đúng tiến độ, sản phẩm, kết quả và các khó khăn, vướng mắc; không chỉ nêu tỉ lệ hoàn thành mà thiếu sản phẩm, số liệu và minh chứng kiểm chứng được. Trường hợp báo cáo không chính xác, người phê duyệt báo cáo và cơ quan báo cáo phải kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo);
- Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương (để báo cáo);
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương;
- Đảng ủy Chính phủ;
- Đảng ủy Quốc hội;
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương;
- Các ban đảng Trung ương;
- Quân ủy Trung ương;
- Đảng ủy Công an Trung ương;
- Đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh ủy, thành ủy;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng;
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu;
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

**T/M BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hải Ninh

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ TẬP TRUNG TRIỂN KHAI TRONG 100 NGÀY
(Kèm theo Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW, ngày 11/7/2026
của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
	NHÓM THỂ CHẾ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1.	Hoàn thành 03 văn bản cần ban hành của khối Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương; các cơ quan liên quan	Các văn bản được ban hành	31/7/2026
2.	Hoàn thành ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền các văn bản nợ đọng, văn bản hướng dẫn thi hành các luật liên quan đến chuyển đổi số có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; Nghị quyết về phát triển công dân số; cập nhật Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số theo danh mục được cấp có thẩm quyền giao	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng và các bộ, cơ quan được giao nhiệm vụ	Bộ Tư pháp; Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính; các bộ, ngành liên quan	Các văn bản trong danh mục được ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền đúng thời hạn; trạng thái thực hiện và minh chứng được cập nhật đầy đủ trên Hệ thống theo dõi Nghị quyết	30/9/2026
3.	Ban hành đồng bộ các quy chế về quản lý, vận hành, khai thác, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an ninh mạng đối với các nền tảng, kho dữ liệu và hệ thống số của Quốc hội, Kiểm toán nhà nước	Văn phòng Quốc hội; Kiểm toán nhà nước	Đảng uỷ Quốc hội; Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ban Cơ yếu Chính phủ	Quy chế của từng cơ quan được ban hành và có hiệu lực; xác định rõ danh mục hệ thống áp dụng, đơn vị chủ quản, đầu mối vận hành và đầu mối bảo đảm an ninh mạng	30/9/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
4.	Hoàn thiện quy định quản lý, vận hành, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng đối với hệ thống điều hành; hệ thống quản lý đoàn viên, hội viên; Mặt trận số 24/7 và các nền tảng của các tổ chức chính trị - xã hội	Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; Bộ Công an; Ban Cơ yếu Chính phủ; các tổ chức chính trị - xã hội.	Bộ quy chế dùng chung trong khối; 100% hệ thống có đơn vị chủ quản, quy trình vận hành và phân quyền được xác định rõ	30/11/2026
5.	Rà soát, lập danh mục các quy định pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành, địa phương; đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý theo thẩm quyền	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương	Danh mục vướng mắc và phương án xử lý, trong đó xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm, thẩm quyền và thời hạn hoàn thành.	Hoàn thành danh mục trước ngày 30/9/2026; trình phương án xử lý trước ngày 30/11/2026; trường hợp đặc biệt không quá ngày 30/12/2026.
II	HẠ TẦNG SỐ				
6.	Cập nhật, điều chỉnh Quy chế về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng (Quy chế số 07-QC/TW, ngày 31/10/2025 của Ban Bí thư)	Văn phòng Trung ương Đảng	Ban Cơ yếu Chính phủ; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; các địa phương	Quy chế về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng được ban hành	30/8/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
7.	Hoàn thành quy chế về quản lý, vận hành và khai thác sử dụng nền tảng kết nối, liên thông mạng mật của các cơ quan trong hệ thống chính trị trong khối cơ quan mình	Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	Quy chế được ban hành	30/9/2026
8.	Xây dựng và đưa vào vận hành nền tảng kết nối, liên thông mạng mật dùng chung trong hệ thống chính trị	Văn phòng Trung ương Đảng	Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ban Cơ yếu Chính phủ	Nền tảng hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm an ninh mạng	30/11/2026
9.	Rà soát, khắc phục tình trạng lỗm sổng, thiếu điện tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập.	UBND các địa phương.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tập đoàn Điện lực Việt Nam;	Danh mục và các phương án xử lý các điểm lỗm sổng, thiếu điện được phê duyệt Hoàn thành xử lý các điểm lỗm sổng, thiếu điện tại các điểm ưu tiên	Danh mục gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công Thương trước ngày 30/7/2026; Hoàn thành xử lý các điểm lỗm sổng, thiếu điện tại các điểm ưu tiên trước 30/11/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
10.	Xây dựng phương án bảo đảm nguồn cung điện phục vụ trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao có dự báo nhu cầu đến năm 2030	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an; Bộ Tài chính; các địa phương; Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Danh mục trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao cần bảo đảm nguồn điện. Báo cáo và phương án bảo đảm nguồn cung điện được trình cấp có thẩm quyền, trong đó xác định rõ khu vực, công suất, lộ trình đầu tư, cơ chế giá và phương án dự phòng nguồn điện	Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, gửi danh mục cho Bộ Công Thương trước ngày 15/8/2026; Bộ Công Thương hoàn thành báo cáo, phương án bảo đảm nguồn cung điện trước ngày 30/10/2026.
11.	Đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, ưu tiên máy tính, phần mềm phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, phù hợp với yêu cầu công việc, góp phần đáp ứng vận hành thông suốt chính quyền 03 cấp	Cơ quan Trung ương thuộc 04 khối và các địa phương	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	Báo cáo rà soát, thống kê nhu cầu mua sắm, đầu tư, nâng cấp của các cơ quan Trung ương, địa phương gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan Trung ương, địa phương đảm bảo trang thiết bị đầu cuối cho Trung tâm phục vụ hành chính công và cán bộ công chức, viên chức liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác.	Các cơ quan Trung ương, địa phương gửi báo cáo rà soát, thống kê nhu cầu trước ngày 30/7/2026; Hoàn thành đảm bảo trang thiết bị đầu cuối trước ngày 30/11/2026.

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
12.	Kiểm kê trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ của các cơ quan thuộc 04 khối; mức độ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, hiệu suất, chi phí; xây dựng phương án chuyển dịch hoặc dừng các hạ tầng nhỏ lẻ, kém hiệu quả	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an; Các bộ, cơ quan, địa phương; Bộ Tài chính; Ban Cơ yếu Chính phủ	100% trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ được kiểm kê; có phương án trong giai đoạn 2026 - 2027	30/10/2026
13.	Lập Bản đồ cấp độ an ninh mạng cho các hệ thống số của 04 khối và địa phương, gồm chủ quản, cấp độ dự kiến/đã phê duyệt và đầu mối ứng cứu. Xây dựng phương án mở rộng quy mô Trung tâm An ninh mạng quốc gia đáp ứng yêu cầu giám sát, điều hành an ninh mạng cho toàn hệ thống chính trị	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; các cơ quan, địa phương	100% hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ có bản ghi, dữ liệu được cập nhật, hiển thị trên bảng điều hành trước ngày 30/9/2026; Phương án mở rộng Trung tâm An ninh mạng quốc gia được trình cấp có thẩm quyền trước ngày 30/11/2026.	Hoàn thành lập Bản đồ cấp độ an ninh mạng trước ngày 30/9/2026; Hoàn thành phương án mở rộng quy mô Trung tâm An ninh mạng quốc gia trước ngày 30/11/2026.
14.	Hoàn thành hồ sơ cấp độ, kiểm thử xâm nhập và đánh giá độc lập trước khi vận hành hoặc mở rộng	Cơ quan chủ quản hệ thống	Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; Bộ Khoa học và Công nghệ	100% hệ thống cấp độ cấp độ 4 và cấp độ 5 có hồ sơ cấp độ được phê duyệt, báo cáo kiểm thử, kế hoạch khắc phục lỗ hổng, phương án ứng cứu, sao lưu, khôi phục và nhật ký truy cập được kiểm chứng.	Hoàn thành phê duyệt hồ sơ cấp độ đối với hệ thống cấp độ 4, cấp độ 5 trước ngày 30/11/2026;

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
15.	Kết nối hệ thống quan trọng với đầu mối giám sát 24/7; định kỳ kiểm tra tài khoản, phân quyền và dữ liệu nhạy cảm. Thực hiện kết nối chia sẻ thông tin giám sát an ninh mạng với Trung tâm An ninh mạng quốc gia (Bộ Công an) tối thiểu với các hệ thống từ cấp độ 3 trở lên.	Cơ quan chủ quản hệ thống; Bộ Công an	Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; Bộ Khoa học và Công nghệ.	100% hệ thống quan trọng có giám sát 24/7 báo cáo tóm tắt kết quả kiểm tra định kỳ tài khoản và phân quyền; Hoàn thành kết nối chia sẻ thông tin giám sát an ninh mạng với Trung tâm An ninh mạng quốc gia tối thiểu từ cấp độ 3 trở lên	Hoàn thành kết nối HTTT cấp độ 4, cấp độ 5 trước ngày 30/11/2026; Hoàn thành kết nối HTTT cấp độ 3 trở lên trong năm 2026
16.	Kiểm tra, đánh giá hệ thống mạng gửi, nhận, xử lý và lưu trữ văn bản mật của khối đảng. Cảnh báo sớm, thường xuyên các nguy cơ rủi ro an ninh thông tin trên 100% các hệ thống số cấp độ 4, cấp độ 5	Bộ Công an	Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo đánh giá toàn diện, văn bản xác nhận đủ điều kiện vận hành đối với mạng mật của khối đảng; Thông tin cảnh báo nguy cơ được gửi đến cơ quan chủ quản hệ thống thông tin cấp độ 4, cấp độ 5 và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia sau khi xác minh, phân loại, theo phương thức và thời hạn phù hợp với mức độ nghiêm trọng của từng loại nguy cơ	30/8/2026 hoàn thành đánh giá mạng mật khối đảng 30/11/2026 hoàn thành gửi các thông tin cảnh báo sớm với các hệ thống cấp độ 4, cấp độ 5

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
17.	Tổ chức diễn tập liên khối về phòng, chống tấn công mạng, lộ lọt dữ liệu, gián đoạn hệ thống thông tin trọng yếu và khôi phục sau sự cố.	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng; Ban Cơ yếu Chính phủ; Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các địa phương	Kế hoạch, kịch bản, kết quả diễn tập và phương án khắc phục các tồn tại phát hiện qua diễn tập, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 515/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực ứng cứu sự cố an ninh mạng	30/10/2026
III	DỮ LIỆU SỐ				
18.	Rà soát, bổ sung, danh mục CSDL cần xây dựng, hoàn thiện; quy định rõ khái niệm, nội hàm, trường dữ liệu, trách nhiệm tạo lập, cập nhật, chia sẻ, khai thác và giá trị pháp lý của dữ liệu. Đồng thời, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm đồng bộ, khả thi, phục vụ triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, các bộ chủ quản cơ sở dữ liệu; Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Quốc hội; Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Danh mục cơ sở dữ liệu (quy định rõ khái niệm, nội hàm, trách nhiệm tạo lập, cập nhật, chia sẻ, khai thác và giá trị pháp lý của dữ liệu, CSDL) và các quy định cần sửa đổi; dự thảo văn bản hoặc phương án xử lý, cơ quan chủ trì và thời hạn hoàn thành đối với từng nội dung	30/11/2026
19.	Rà soát, ban hành khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương theo yêu cầu tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/11/2025	Các bộ, cơ quan thuộc 04 khối; các địa phương	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu và từ điển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được ban hành hoặc cập nhật phù hợp với Quyết định số 2439/QĐ-TTg.	30/11/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
20.	Hoàn thiện 12 CSDL theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW	Các bộ, cơ quan chủ quản 12 CSDL	Bộ Công an; Bộ Tư pháp; Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	+ Đối với 08 CSDL đã đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia: hoàn thành chuẩn hoá, đối soát, làm sạch tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện đồng bộ. + Đối với 04 CSDL còn lại: hoàn thành xây dựng nền tảng và đưa vào vận hành thử nghiệm tối thiểu 02 CSDL.	30/11/2026
21.	Hoàn thiện 104 CSDL theo Nghị quyết số 11/NQ-CP	Các bộ, cơ quan chủ quản CSDL	Bộ Công an; các địa phương; Bộ Tư pháp; Bộ Khoa học và Công nghệ	+ Đối với 67/104 CSDL đã kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia: hoàn thành chuẩn hoá, đối soát, làm sạch tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện đồng bộ. + Đối với 37/104 CSDL chưa kết nối về Trung tâm dữ liệu quốc gia: hoàn thành kết nối, đồng bộ ít nhất 20 CSDL về Trung tâm dữ liệu quốc gia.	30/11/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
22.	Hoàn thiện Sổ tay Đảng viên điện tử; làm sạch, chuẩn hoá, đối soát dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên; tích hợp dữ liệu phục vụ Sổ tay Đảng viên điện tử và 04 thủ tục hành chính của Đảng	Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng	Bộ Công an; tỉnh uỷ, thành uỷ; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Ban Cơ yếu Chính phủ	Tối thiểu 98% dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên được chuẩn hoá, làm sạch, đối soát và đồng bộ; dữ liệu đủ điều kiện phục vụ Sổ tay đảng viên điện tử và 04 thủ tục hành chính của Đảng	Thực hiện theo lộ trình đến ngày 30/11/2026
23.	Hoàn thiện CSDL cán bộ, công chức, viên chức toàn quốc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", thực hiện kết nối thông suốt với CSDL đảng viên	Bộ Nội vụ	Bộ Công an; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ban Tổ chức Trung ương; các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	CSDL cán bộ, công chức, viên chức kết nối với CSDL đảng viên; dữ liệu được chia sẻ, khai thác phục vụ công tác tổ chức cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng	30/11/2026
24.	Đưa Kho dữ liệu dùng chung của Quốc hội vào vận hành giai đoạn 1; chuẩn hoá, liên thông dữ liệu văn bản, hoạt động đại biểu, giám sát. Rà soát, đề xuất thẩm quyền thu thập, khai thác dữ liệu của Kiểm toán nhà nước	Văn phòng Quốc hội; Kiểm toán nhà nước	Bộ Tư pháp; Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành cung cấp dữ liệu	Kho dữ liệu giai đoạn 1 hoạt động; tối thiểu 05 nguồn dữ liệu kết nối; đề xuất về thẩm quyền thu thập, khai thác dữ liệu của Kiểm toán nhà nước được hoàn thiện	30/10/2026
25.	Chuẩn hoá, làm sạch dữ liệu đoàn viên, hội viên, tổ chức cơ sở, giám sát - phản biện và phản ánh, kiến nghị của nhân dân; kết nối với các hệ thống của Đảng và cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan, phù hợp quy định	Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Các tổ chức chính trị - xã hội; Văn phòng Trung ương Đảng; Bộ Công an; các địa phương	Triển khai kết nối thử nghiệm thành công với các hệ thống của Đảng và CSDL quốc gia có liên quan	30/11/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
26.	Xây dựng nền tảng quản lý án toàn trình đối với án hình sự và thi hành án hình sự của Toà án nhân dân phục vụ triển khai Đề án 422 của Chính phủ; hoàn thiện quy định, quy trình số hoá, làm sạch dữ liệu hồ sơ vụ án, vụ việc đã giải quyết, phục vụ xây dựng kho dữ liệu dùng chung của ngành Toà án	Toà án nhân dân tối cao	Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Tư pháp; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ban Cơ yếu Chính phủ; các đơn vị ngành dọc tại địa phương	Hoàn thiện, đưa vào sử dụng nền tảng quản lý án toàn trình đối với án hình sự, thi hành án hình sự phục vụ triển khai Đề án 422 của Chính phủ; hoàn thành rà soát, phân loại hồ sơ lịch sử căn số hoá; ban hành danh mục tài liệu, trường thông tin và quy trình số hoá; xây dựng kế hoạch liên ngành về đối soát, làm sạch dữ liệu hồ sơ vụ án lịch sử	30/10/2026
27.	Quy định việc số hoá dữ liệu tại nguồn, danh mục dữ liệu ưu tiên được làm sạch và lộ trình xử lý dữ liệu lịch sử; bước đầu hình thành CSDL nghiệp vụ (hồ sơ vụ án, bản án) toàn ngành	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Toà án nhân dân tối cao; Bộ Tư pháp; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ban Cơ yếu Chính phủ; các đơn vị ngành dọc tại địa phương	Quy định về số hoá dữ liệu nghiệp vụ tại nguồn được ban hành; danh mục dữ liệu ưu tiên được làm sạch và lộ trình xử lý dữ liệu lịch sử được phê duyệt; bước đầu hình thành CSDL nghiệp vụ (hồ sơ vụ án, bản án) toàn ngành	30/9/2026
28.	Thực hiện đồng bộ thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của Nghị định 70/2024/NĐ-CP và Nghị định 58/2026/NĐ-CP và các văn bản có liên quan	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Công an	Các thông tin, dữ liệu phải được đồng bộ về CSDL quốc gia về dân cư phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực	30/11/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
IV	NỀN TẢNG SỐ				
29.	Rà soát hiện trạng, xây dựng hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung quốc gia theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026; tổ chức triển khai theo lộ trình được phê duyệt, bảo đảm các nền tảng được đưa vào sử dụng thực chất, lấy người sử dụng làm trung tâm; kết nối với công cụ đánh giá mức độ sử dụng và thu thập phản hồi tại nhiệm vụ 34.	Các cơ quan chủ quản nền tảng số dùng chung quốc gia	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan chủ quản; 04 đảng uỷ trực thuộc Trung ương; các địa phương	100% nền tảng thuộc danh mục tại Quyết định số 1132/QĐ-TTg được rà soát; có kế hoạch triển khai hoặc kế hoạch điều chỉnh được phê duyệt, xác định rõ cơ quan chủ trì, phạm vi, đối tượng sử dụng, sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện. Các nền tảng đến hạn theo lộ trình được đưa vào vận hành, có người sử dụng thực tế; kết nối với công cụ đánh giá tại nhiệm vụ 32 và có số liệu về mức độ sử dụng, phản hồi của người dùng, tồn tại và phương án cải thiện chất lượng.	Hoàn thành rà soát, ban hành hoặc điều chỉnh kế hoạch trước ngày 30/9/2026
30.	Hoàn thiện Công Dịch vụ công quốc gia và các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành, địa phương hoạt động thống nhất, thông suốt, ổn định; công khai giám sát theo thời gian thực về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng gần	Bộ Công an	Bộ Tư pháp; Văn phòng Chính phủ; Bộ Khoa học và Công nghệ; bộ, ngành, địa phương	Công Dịch vụ công quốc gia và các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được kết nối, vận hành ổn định, thông suốt; các lỗi, điểm nghẽn ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả TTHC được	Hoàn thành trước ngày 30/9/2026 và duy trì liên tục

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
	với trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị giải quyết TTHC			khắc phục. Bộ tiêu chuẩn, chỉ số đo lường chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng được ban hành; kết quả giám sát được tích hợp lên Hệ thống theo dõi Nghị quyết; mức sẵn sàng, thời gian xử lý sự cố và trách nhiệm của từng cơ quan được theo dõi theo thời gian thực	
31.	Hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp và hoạt động đồng bộ, thống nhất, thông suốt và ổn định với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng	Các bộ chủ quản hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp và hoạt động đồng bộ, thống nhất, thông suốt và ổn định với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng	Hoàn thành trước ngày 30/9/2026 và duy trì liên tục
32.	Phát triển công cụ độc lập để đánh giá mức độ sử dụng và thu thập phản hồi của người sử dụng; ưu tiên tích hợp công cụ vào các nền tảng số quốc gia liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an; các bộ, ngành, các địa phương	Bộ tiêu chuẩn, chỉ số đo lường chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng được ban hành. Công cụ đánh giá được hoàn thiện và tích hợp lên Hệ thống theo dõi các nghị quyết tại địa chỉ theodoinq.dcs.vn	30/9/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
33.	Rà soát các nền tảng dùng chung quốc gia đang triển khai; ban hành tiêu chí và yêu cầu kỹ thuật bảo đảm khả năng, đăng nhập một lần qua VneID.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an; UBND tỉnh, thành phố; các bộ chủ quản hệ thống	Bộ tiêu chí và yêu cầu kỹ thuật đối với nền tảng số dùng chung, bảo đảm khả năng đăng nhập một lần qua VNeID	30/9/2026
34.	Tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung: triển khai đăng nhập một lần sử dụng VNeID, tích hợp, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống đủ điều kiện (trừ trường hợp hệ thống thông tin không có kết nối Internet)	Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ban Cơ yếu Chính phủ; cơ quan trong khối	Hoàn thành tích hợp, đăng nhập một lần, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống đủ điều kiện	30/10/2026
V	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN				
35.	Đánh giá việc cắt giảm, đơn giản hoá, tái cấu trúc thủ tục hành chính, số hoá hồ sơ, cấp kết quả điện tử, thanh toán trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu và xử lý đúng hạn; công bố bảng xếp hạng hằng tháng	Bộ Tư pháp	Bộ Công an; các bộ, ngành, địa phương	Đánh giá, xếp hạng theo Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg	Công bố lần đầu trước ngày 30/9/2026 và thực hiện thường xuyên
36.	Hoàn thành tái cấu trúc 80 TTHC còn lại theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; sửa đổi quy định, quy trình nội bộ và biểu mẫu trên cơ sở dữ liệu đã có	Các bộ, ngành chủ quản thủ tục hành chính	Bộ Tư pháp; Bộ Công an; địa phương; cơ quan cung cấp dữ liệu	80/80 TTHC được tái cấu trúc; quy trình điện tử cập nhật và biểu mẫu được cập nhật; thành phần hồ sơ, thời gian xử lý và kết quả cắt giảm được công khai	30/11/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
37.	Kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các CSDL đã công bố và các CSDL mới hoàn thành; tự động điền, xác thực và tái sử dụng dữ liệu	Các bộ chủ quản hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Bộ Công an	Bộ Tư pháp; UBND tỉnh, thành phố; cơ quan chủ quản CSDL	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại giấy tờ đã có	30/8/2026
38.	Lựa chọn nhóm TTHC có tần suất cao, liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; tái thiết kế quy trình theo hướng đơn giản hoá thành phần hồ sơ, giảm thao tác trên môi trường số bảo đảm người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại dữ liệu đã có trong CSDL của cơ quan nhà nước	Các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố	Bộ Tư pháp; Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Mỗi bộ, ngành, địa phương có tối thiểu 05 thủ tục hành chính ưu tiên và đánh giá hiệu quả	Hoàn thành danh mục trước ngày 30/7/2026; hoàn thành kiểm thử trước ngày 30/11/2026
39.	Hoàn thiện 04 TTHC của Đảng trên môi trường điện tử	Văn phòng Trung ương Đảng	Ban Tổ chức Trung ương; Bộ Công an; Ban Cơ yếu Chính phủ; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; tỉnh uỷ, thành uỷ	04/04 thủ tục hành chính vận hành ổn định; có đầu mối hỗ trợ và bảng điều hành thống kê số liệu khai thác, sử dụng, giao dịch thanh toán nếu có	Hoàn thiện hệ thống trước ngày 30/9/2026; mở rộng triển khai toàn quốc theo lộ trình
40.	Rà soát, tái cấu trúc các TTHC của Đảng theo Quy định số 338-QĐ/TW, ngày 09/7/2025 của Ban Bí thư	Các ban đảng Trung ương	Văn phòng Trung ương Đảng	Danh mục thủ tục hành chính của Đảng được rà soát; quy trình tái cấu trúc và lộ trình thực hiện trên môi trường điện tử được phê duyệt	30/9/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
VI	KINH TẾ SỐ				
41.	Xây dựng thí điểm CSDL tập trung về thương mại điện tử, kết nối dữ liệu dân cư, thuế, hải quan và phản ánh vi phạm; hỗ trợ quản lý hàng giả, gian lận và bảo vệ người tiêu dùng	Bộ Công Thương	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính; UBND tỉnh, thành phố	Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử thí điểm được hình thành, kết nối dữ liệu của tối thiểu 02 địa phương	Hoàn thành thí điểm trước ngày 30/9/2026; tiếp tục hoàn thiện theo lộ trình phù hợp với quy định của pháp luật
42.	Xây dựng danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu có thể khai thác an toàn; chuẩn hoá API	Các bộ, cơ quan chủ quản CSDL	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính; doanh nghiệp, viện, trường.	Cơ quan chủ quản CSDL ban hành, công bố danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu có thể khai thác an toàn; tài liệu API và điều kiện sử dụng	30/11/2026
VII	XÃ HỘI SỐ				
43.	Hoàn thiện chuẩn dữ liệu học bạ điện tử, văn bằng, chứng chỉ số, mã định danh người học và hồ sơ học tập suốt đời; tích hợp xác thực trên VNeID	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công an; Bộ Nội vụ; Bộ Khoa học và Công nghệ; địa phương; cơ sở giáo dục.	Chuẩn dữ liệu và quy trình xác thực được ban hành; thí điểm tại tối thiểu 05 địa phương; văn bằng, chứng chỉ thí điểm được xác thực trên VNeID	30/10/2026
44.	Phát triển Sổ sức khỏe điện tử và nền tảng số chăm sóc sức khỏe toàn dân; chuẩn hoá, liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh, bảo hiểm...	Bộ Y tế	Bộ Công an; Bộ Tài chính (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); Bộ Khoa học và Công nghệ; địa phương	Sổ sức khỏe điện tử được tích hợp trên ứng dụng VNeID và được sử dụng tại các cơ sở khám, chữa bệnh, bảo đảm vận hành	Hoàn thành vận hành ổn định thường xuyên, liên tục trước ngày

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
				ổn định, thường xuyên, liên tục 24/7, góp phần giảm giấy tờ, thời gian thực hiện thủ tục	30/11/2026
45.	Mở rộng Mặt trận số 24/7, hệ thống nắm bắt dư luận; ưu tiên tiếp cận người yếu thế, khu vực khó khăn; chuyển phản ánh, kiến nghị tới cơ quan có thẩm quyền và theo dõi kết quả	Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Các tổ chức chính trị - xã hội; UBND địa phương; Bộ Công an; Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Mở rộng sử dụng đến cấp xã; phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, chuyển xử lý và theo dõi trạng thái trên bảng điều hành	30/11/2026
VIII	NGUỒN NHÂN LỰC				
46.	Tổ chức đào tạo về dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo cho cán bộ tham mưu, cán bộ chuyên trách, cán bộ vận hành hệ thống và cán bộ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính; có kiểm tra kết quả đầu ra	Bộ Công an, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;	Các cơ quan thuộc 04 khối; địa phương; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nội vụ; cơ sở đào tạo	Tối thiểu 95% đối tượng thuộc danh sách phải đào tạo hoàn thành chương trình và đạt yêu cầu kiểm tra đầu ra; kết quả được thống kê theo cơ quan, vị trí việc làm. Triển khai trên Nền tảng Bình dân học vụ số	30/10/2026
47.	Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP	Các cơ quan Trung ương, địa phương.	Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an	100% người đủ điều kiện được rà soát, lập danh sách, phê duyệt và thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định; các vướng mắc về hướng dẫn, thủ tục được xử lý	15/8/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn
IX	TÀI CHÍNH, GIẢI NGÂN				
48.	Rà soát, hoàn thiện phương án phân bổ, giao dự toán đối với số kinh phí năm 2026 đã được bố trí nhưng chưa phân bổ, chưa giao dự toán cho các nhiệm vụ chuyển đổi số; ưu tiên cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung, an toàn, an ninh mạng, trang thiết bị thiết yếu và các nhiệm vụ cấp bách được Đảng, Nhà nước giao, bảo đảm đúng quy định, đúng trọng tâm, tránh dàn trải, trùng lặp, lãng phí.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương; Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo	Phương án phân bổ, giao dự toán hoặc quyết định giao dự toán được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.	15/8/2026
IX	KỶ LUẬT THỰC THI				
49.	Vận hành bảng theo dõi tiến độ 100 ngày làm việc; hằng tháng công khai các nhiệm vụ chậm, cơ quan chậm	Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo	04 đảng uỷ trực thuộc Trung ương; các cơ quan, địa phương	Bảng điều hành trực tuyến; báo cáo tháng; bảng phân loại nhiệm vụ theo trạng thái: đúng tiến độ, có nguy cơ chậm và chậm tiến độ; đường dẫn minh chứng của từng nhiệm vụ	Báo cáo đầu tiên trước ngày 25/7/2026; cập nhật hằng tháng
50.	Xây dựng nội dung đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị gắn với KPI/OKR dựa trên dữ liệu.	Ban Tổ chức Trung ương; Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo	04 đảng uỷ trực thuộc Trung ương; cơ quan liên quan.	Nội dung đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị gắn với KPI/OKR dựa trên dữ liệu.	30/9/2026